Point & Speak Sheet

Bảng chỉ tay này là để giúp hội thoại .

このシートは会話を助けるためのものです。

Dành cho người lánh nạn 避難者用

スタッフ用 Dành cho nhân viên

Hãy chỉ vào những đồ bạn cần.

必要なものを指差してください。

水 Nước	食べ物 Đồ ăn	お湯 Nước nóng
ミルク Sữa	離乳食 Thức ăn dặm	
服 Quần áo	下着 Đồ lót	
WIFI WiFi	コンセント Ổ cắm	モバイルバッテリー Pin mobile
充電器 Sạc điện thoại	電池 Pin	
おむつ Bỉm	生理用品 Băng vệ sinh	
毛布 Chăn	タオル Khăn	
歯ブラシ Bàn chải đánh răng	トイレットペーパー Giấy vệ sinh	ティッシュ Giấy ăn
薬 Thuốc uống	マスク Khẩu trang	
炊き出し Nấu cơm từ thiện	配給 Phân phát	
電話 Điện thoại	ガス Ga	通訳 Phiên dịch
本部 Trụ sở chính	トイレ Nhà vệ sinh	水道 Nước máy
ゴミ捨て場 Nơi vứt rác	救護室 Phòng sơ cứu	保健室 Phòng y tế
風呂場 Phòng tắm	洗濯場 Phòng giặt	更衣室 Phòng thay đồ
授乳室 Phòng cho con bú	おむつ交換所 Phòng thay bỉm	
喫煙所 Phòng hút thuốc		

Có không?
ありますか？

Khi nào?
いつですか？

Ở chỗ nào?
どこですか？

ありません。
Có.

ありません。
Không có.

後で届きます。
Sẽ đến sau.

1	2	3
4	5	6
7	8	9
10	11	12
AM	PM	

今日は
Hôm nay

明日は
Ngày mai

明後日は
Ngày kia

○時からです。
Từ ○ giờ.

○時までです。
Đến ○ giờ.

何個必要ですか？
Cần bao nhiêu cái?

列に並んでください。
Hãy xếp hàng.

○時に届きます。
○ giờ đồ sẽ đến.

１人○個までです。
Mỗi người chỉ được ○ cái.

待っていてください。
Vui lòng đợi.

いつ届くか分かりません。
Không biết lúc nào sẽ đến nơi.

１家族○個までです。
Mỗi gia đình chỉ được ○ cái.

案内します。
Hướng dẫn cho bạn.

届いたらアナウンスします。
Nếu đồ đến thì chúng tôi sẽ thông báo trên loa.

「kif」をインターネットで調べてみてください。災害についてのお知らせがあります。
Hãy tìm hiểu kif trên internet. Có thông báo về thiên tai.

熊本市国際交流会館に連絡してください。Email:pj-info@kumamoto-if.or.jp
Hãy liên lạc đến trung tâm giao lưu quốc tế thành phố Kumamoto. Email:pj-info@kumamoto-if.or.jp

Đang xẩy ra chuyện gì?
何が起こっているのですか？

停電中です。
Đang bị mất điện.

断水中です。
Đang bị mất nước.

Tôi cũng sẽ làm giúp.
私も手伝います。

Thấy khó chịu trong người.
気分が悪いです。

Một số thứ không thể ăn được.
食べれないものがあります。

Có bệnh mãn tính.
持病があります。

Có khuyết tật.
障がいがあります。

Đang mang thai.
妊娠しています。

Hãy cho chúng tôi biết nếu bạn có điều quan trọng muốn thông báo.
お知らせがあったら個別に教えてください。

Muốn liên lạc với đại sứ quán.
大使館に連絡したいです。

熊本県立大学宮園研究室　（一財）熊本国際交流振興事業団
（一社）KumaVisit　熊本市危機管理防災総室